CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

FireAnt

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà

Ngày 31/12/2025	13,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.8%	**-2.5%**	**-6.1%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,910 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,329
Số lượng CPLH (CP)	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	96,420
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.85
EPS	556
P/E	24.9

DT thuần
Q4/25
194
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00| -0.3%
YoY: ▲ 26.0| 15.7%

LN thuần
Q4/25
3.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.0| -89.4%
YoY: ▼19.8| -85.7%

LN sau thuế
Q4/25
15.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.8| -58.3%
YoY: ▲ 3.80| 32.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
24.2%
YoY: +/-▼ 1.2%

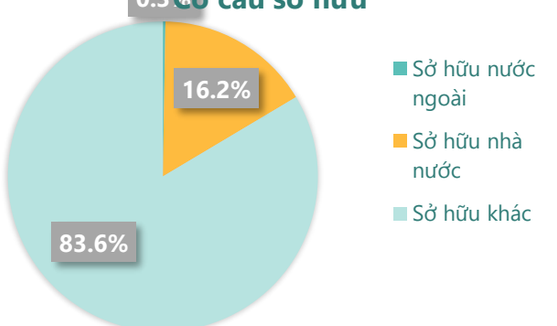
ROE
2025
2.1%
YoY: +/-▲ 0.7%

DT thuần
2025
738
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 165| 28.8%

LN thuần
2025
67.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.4| 35.1%

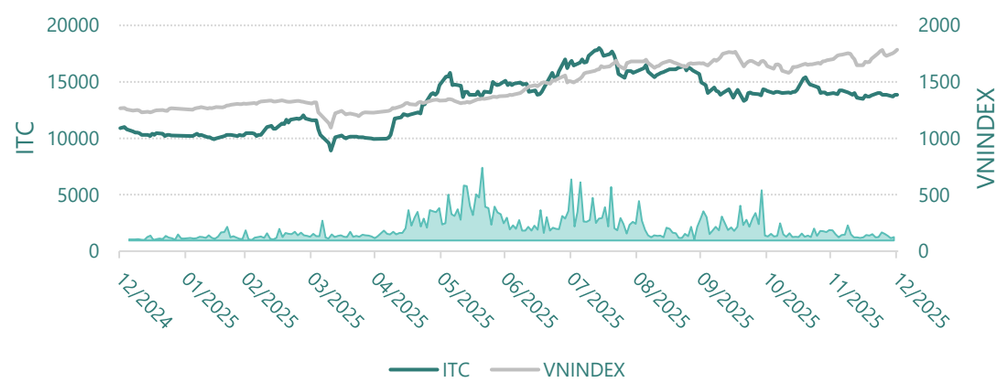
LN sau thuế
2025
69.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.7| 113%

Cơ cấu sở hữu

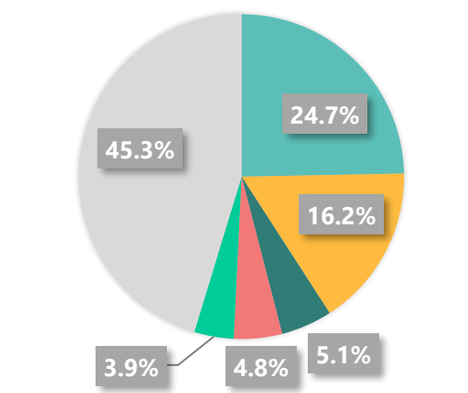


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



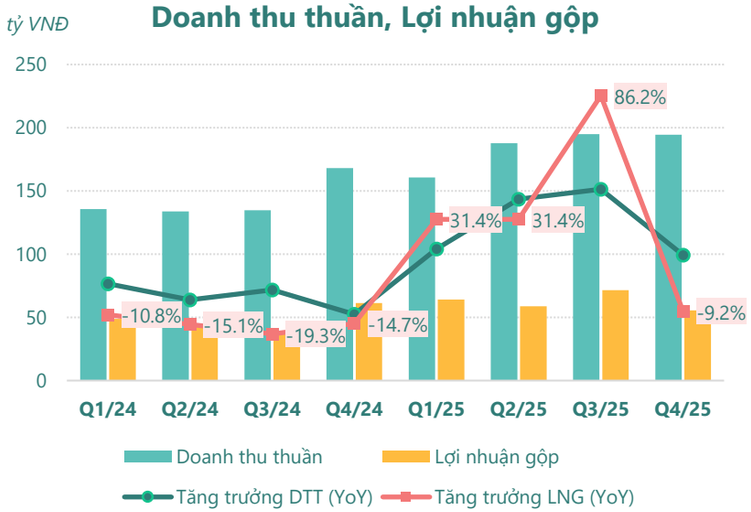
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

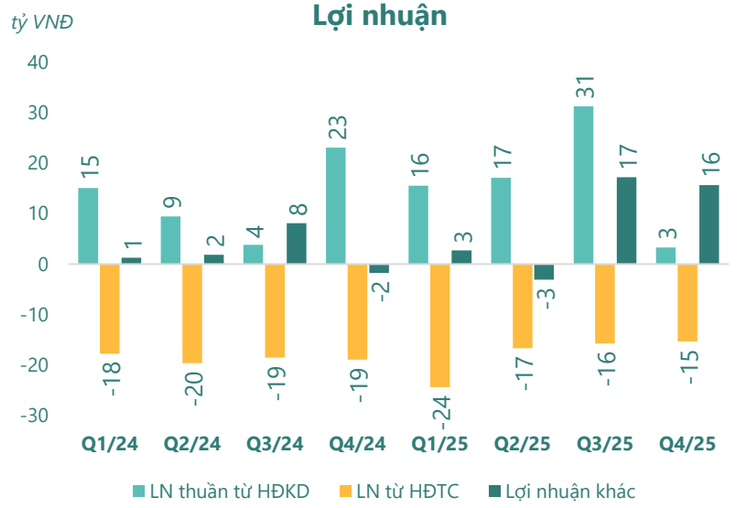
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



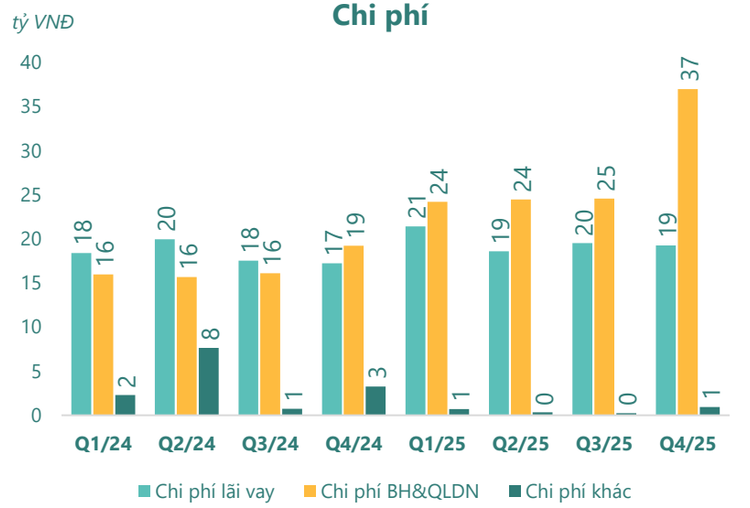
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



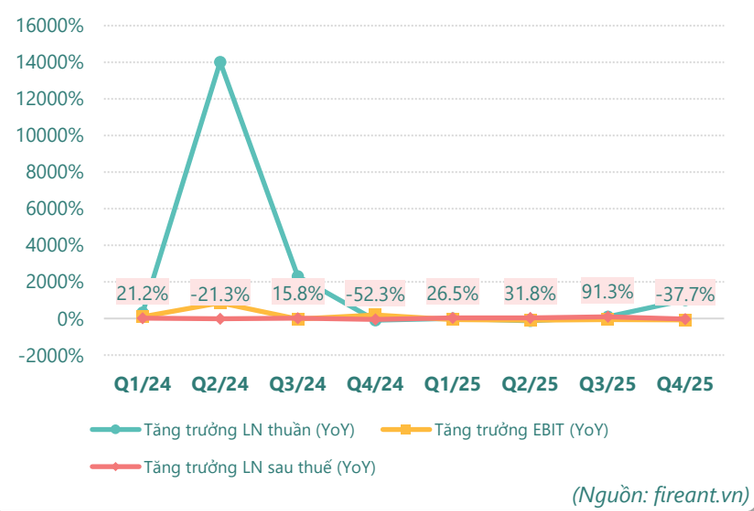
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



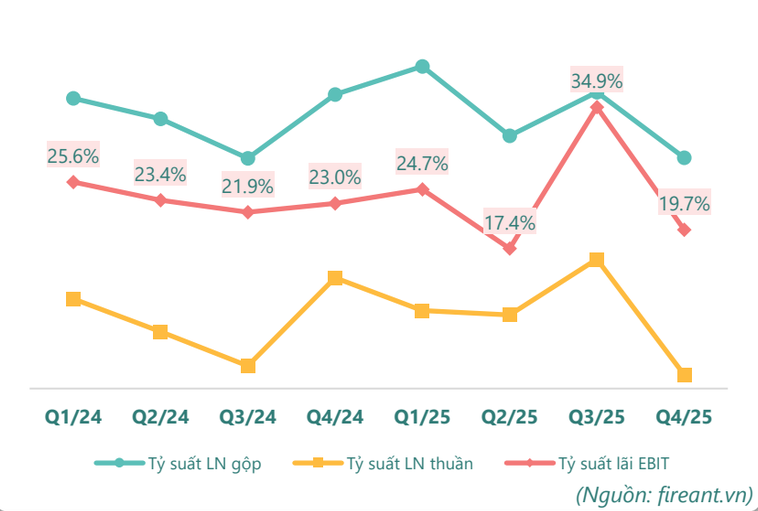
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



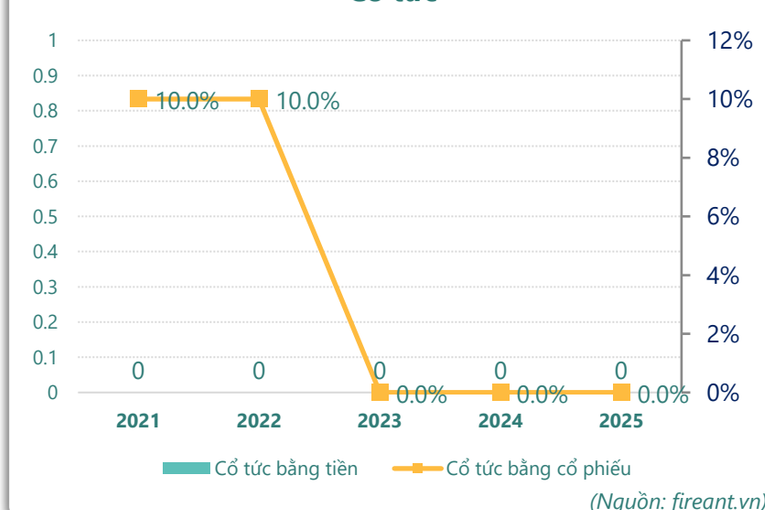
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

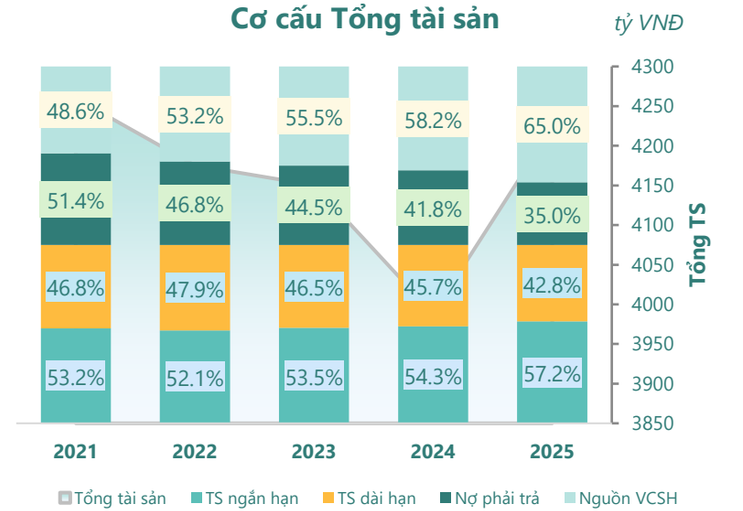
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

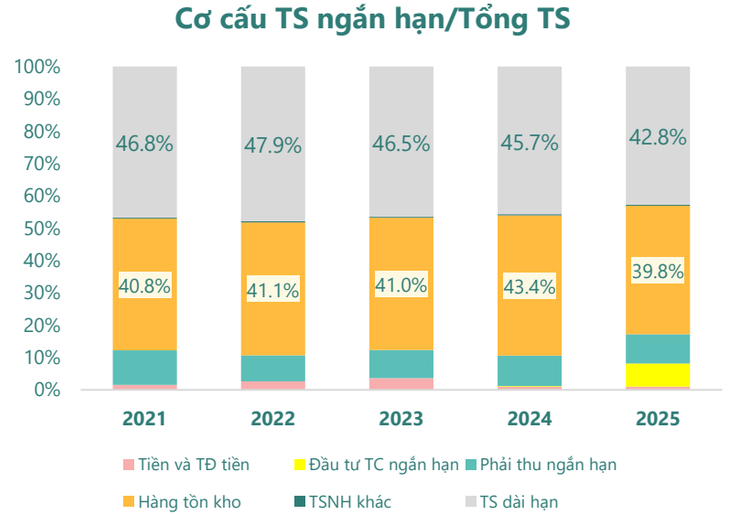
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



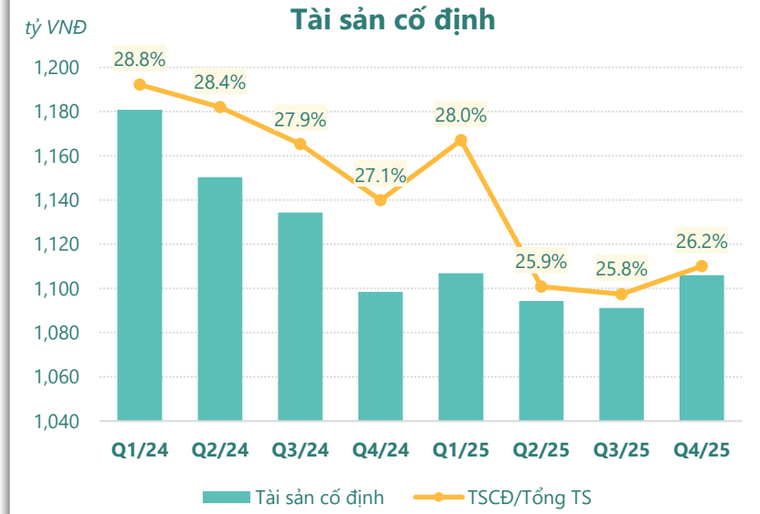
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



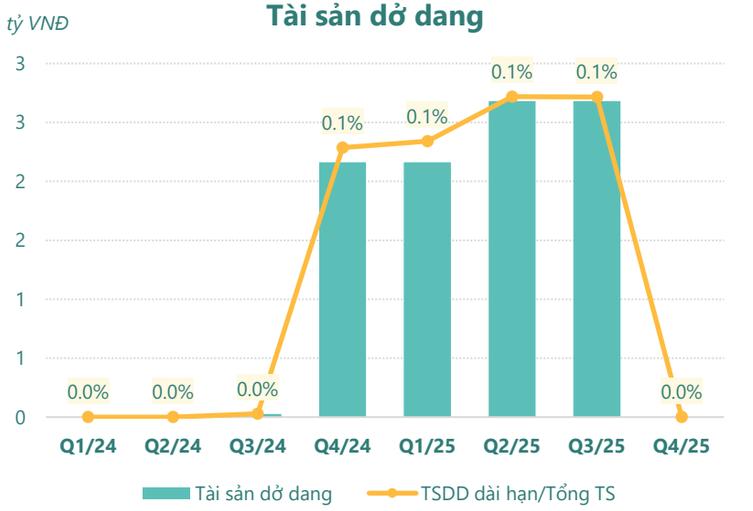
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



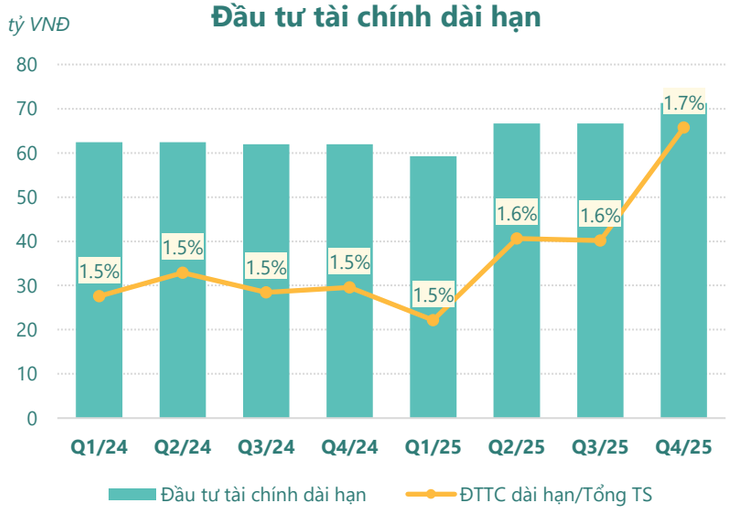
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



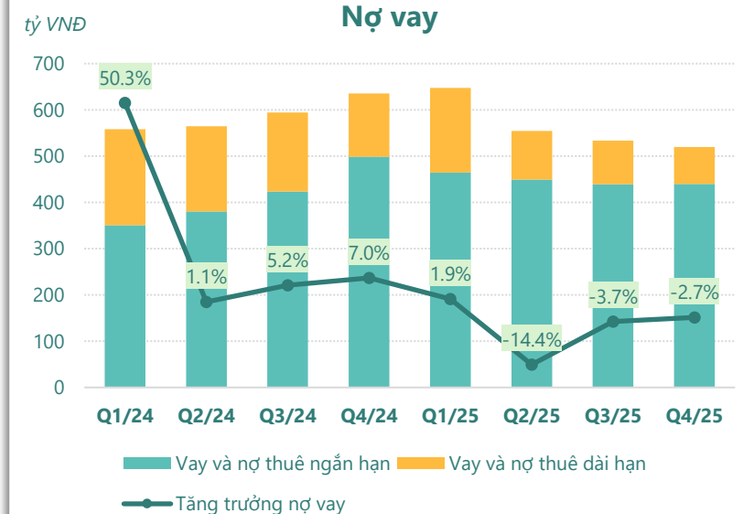
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

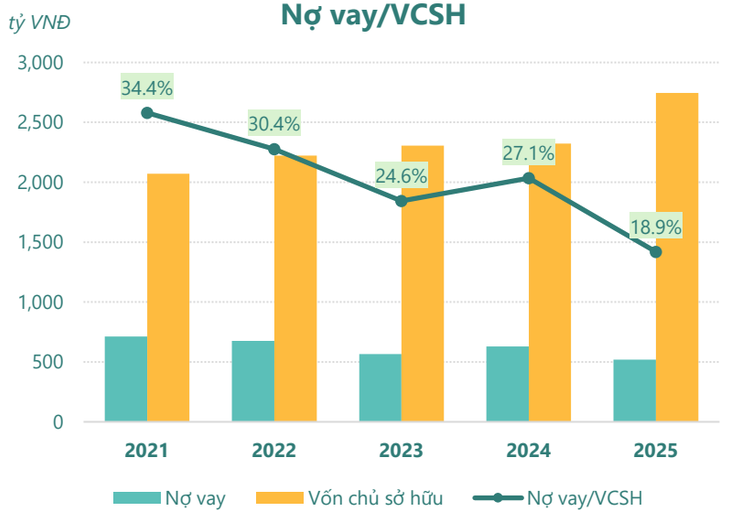
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

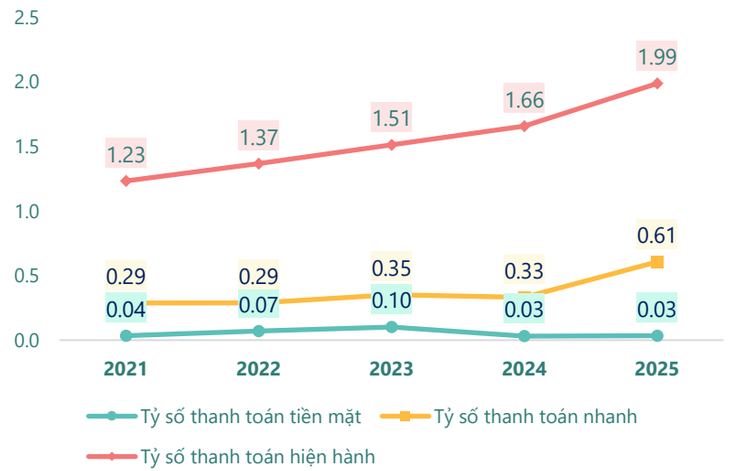
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



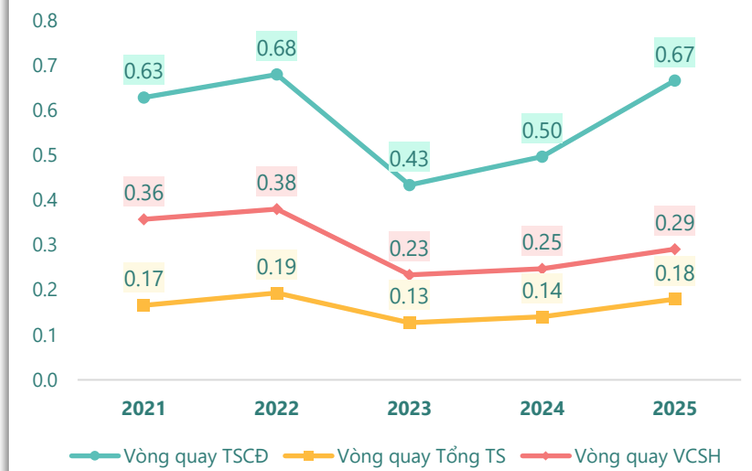
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



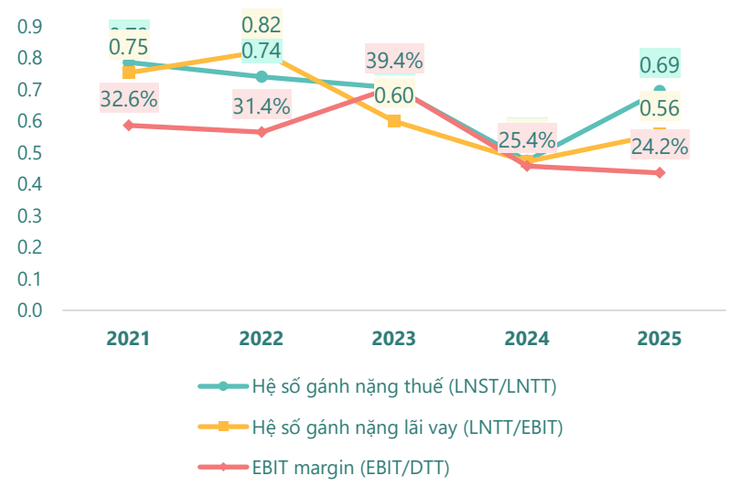
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



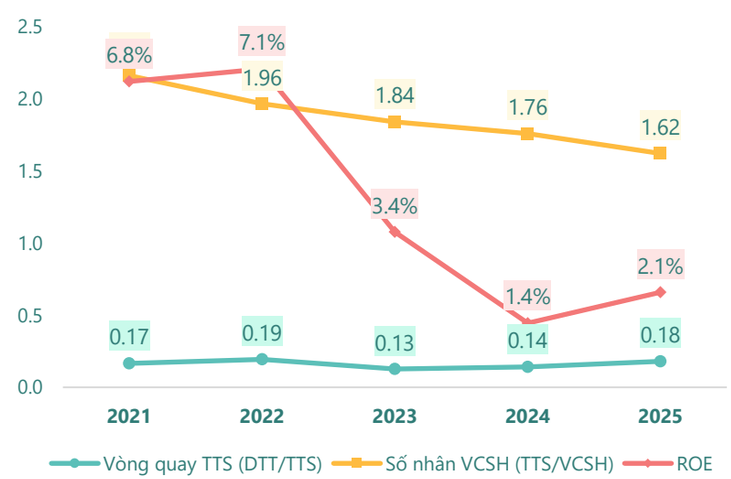
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



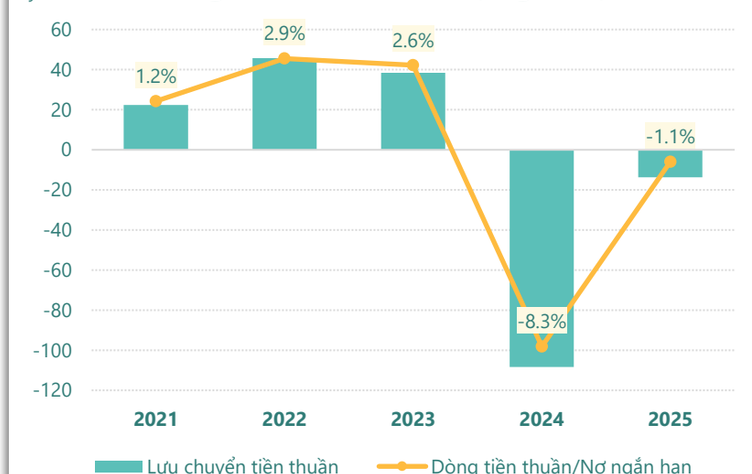
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**194**	**168**	**15.7%**	**738**	**573**	**28.8%**
Giá vốn hàng bán	139	107	29.7%	487	380	28.1%
Lợi nhuận gộp	55.6	61.3	-9.2%	250	192	30.2%
Doanh thu HĐTC	3.91	0.06	6418%	7.77	4.03	92.7%
Chi phí TC	19.3	19.0	1.4%	80.0	77.0	3.8%
Chi phí lãi vay	19.2	17.2	11.9%	78.8	76.9	2.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.57**	**-0.71**	**19.5%**
Chi phí bán hàng	9.63	4.14	133%	23.8	8.94	166%
Chi phí QLDN	**27.4**	**15.1**	**81.2%**	**86.4**	**59.8**	**44.5%**
LN thuần từ HĐKD	3.31	23.1	-85.7%	67.2	49.8	35.1%
Lợi nhuận khác	**15.7**	**-1.77**	**987%**	**32.5**	**18.9**	**72.1%**
LN trước thuế	19.0	21.4	-11.2%	99.7	68.7	45.3%
Lợi nhuận sau thuế	**15.6**	**11.8**	**32.1%**	**69.3**	**32.6**	**113%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.28**	**12.1**	**-39.8%**	**53.4**	**32.9**	**62.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.6	-5.00	-9.60	383	318	-269
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.3	8.58	0.01	-12.1	-278	-36.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-70.0	-59.3	3.41	-79.0	-30.6	-4.44
Tiền đầu kỳ	116	103	46.9	40.8	327	336
Lưu chuyển tiền thuần	**-13.0**	**-55.8**	**-6.18**	**292**	**9.44**	**-309**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.10	0.01	0	0	0	0.09
Tiền cuối kỳ	103	47.0	40.8	327	336	41.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,223**	**3,988**	**5.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,416	2,165	11.6%
Tiền và tương đương tiền	41.9	40.5	3.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	303	6.40	4638%
Phải thu ngắn hạn	381	374	2.0%
Hàng tồn kho	1,679	1,732	-3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	11.9	-12.0%
Tài sản dài hạn	**1,807**	**1,823**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	13.0	19.9	-34.8%
Tài sản cố định	1,106	1,108	-0.2%
Bất động sản đầu tư	560	587	-4.7%
Tài sản dở dang	0	2.16	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.3	61.2	16.4%
Tài sản dài hạn khác	**57.1**	**44.9**	**27.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,478	1,666	-11.3%
Nợ ngắn hạn	**1,215**	**1,306**	**-7.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	440	445	-1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	104	121	-14.2%
Nợ dài hạn	263	359	-26.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	79.3	185	-57.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,745**	**2,323**	**18.2%**
Vốn chủ sở hữu	**2,745**	**2,323**	**18.2%**
Vốn điều lệ	964	964	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)